TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2024/DS-ST
Ngày 28 tháng 02 năm 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thiện Liên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Ông Trần Văn Phủ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Xuân Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Giang - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 1112/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần A**
Địa chỉ: 266-268 N, phường S, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn D - Tổng giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần P (Giấy ủy quyền số 88/2023/GUQ-CN.Q.10 lập ngày 11 tháng 5 năm 2023)
Địa chỉ: 474-476-478-480/2 N, Phường K, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Chí B**, sinh năm: 1976
Địa chỉ: 107/27F N, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Chí B có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng hợp đồng số 6998177 ngày 07/10/2020 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng A.

Căn cứ trên thu nhập của ông B, Ngân hàng A đã cấp cho ông B thẻ tín dụng quốc tế Vs PayWave Cre Platinum Cashback số thẻ 436438-9892, hạn mức thẻ là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng, lãi suất và phí theo quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2,4%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% x 2,4% tương đương 3,6%/tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 283.219.065 (hai trăm tám mươi ba triệu, hai trăm mười chín ngàn, không trăm sáu mươi lăm) đồng. Ông B đã thanh toán được 217.211.651 (hai trăm mười bảy triệu, hai trăm mười một ngàn, sáu trăm năm mươi mốt) đồng, trong đó tiền gốc là 167.108.907 (một trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm lẻ tám ngàn, chín trăm lẻ bảy) đồng, phí và lãi là 50.102.744 (năm mươi triệu, một trăm lẻ hai ngàn, bảy trăm bốn mươi bốn) đồng.

Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông B chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 126.889.046 (một trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi chín ngàn, không trăm bốn mươi sáu) đồng sang nợ quá hạn từ ngày 05/4/2023. Lãi suất trong hạn là 2,4%/tháng. Lãi suất quá hạn là 150% x 2,4% tương đương 3,6%/tháng.

Nay, Ngân hàng A yêu cầu ông Nguyễn Chí B thanh toán ngay một lần tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 31/10/2023 là 159.800.067 (một trăm năm mươi chín triệu, tám trăm ngàn, không trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 126.889.046 (một trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi chín ngàn, không trăm bốn mươi sáu) đồng.

- Tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 31/10/2023 là 32.911.021 (ba mươi hai triệu, chín trăm mười một ngàn, không trăm hai mươi mốt) đồng.

Ông B phải thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 01/11/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 6998177 ngày

07/10/2020 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Ngân hàng thương mại cổ phần A chỉ yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Chí B thanh toán nợ, không yêu cầu đưa thêm bất cứ người nào vào tham gia vụ kiện với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn - ông Nguyễn Chí B vắng mặt suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ kiện mặc dù Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập và niêm yết hợp lệ. Ông B cũng không gửi văn bản phản hồi đến Tòa.

Tại phiên tòa,

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ các nguyên ý kiến và yêu cầu như trên. Bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa triệu tập xét xử hợp lệ và cũng không gửi văn bản ý kiến đến phiên tòa.

Tại phần tranh luận,

Tại phần tranh luận, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1.1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS năm 2015) trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể:

- Tiến hành thụ lý vụ án: Tòa án có thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho đương sự có dự tính số tiền phải nộp, nêu rõ thời hạn phải nộp và hậu quả của việc không nộp tiền tạm ứng án phí cho đương sự biết để thực hiện và tiến hành thụ lý vụ án phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 195 BLTTDS năm 2015.

- Thụ lý vụ án: Tòa án tiến hành thụ lý vụ án ngay khi người khởi kiện nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 195 BLTTDS năm 2015.

- Việc xác định quan hệ pháp luật: Tòa xác định quan hệ tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là phù hợp theo khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015.

- Thẩm quyền thụ lý: Bị đơn có nơi cư trú tại quận Bình Thạnh. Do đó, Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

- Xác định tư cách đương sự: phù hợp với quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 68 BLTTDS.

- Chứng minh và chứng cứ:

+ Khi yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu, chứng cứ, Thẩm phán có ban hành quyết định theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 97 BLTTDS năm 2015.

+ Thẩm phán đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 209, 210 và 211 BLTTDS năm 2015.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đúng với quy định tại khoản 1 Điều 203 BLTTDS năm 2015 (Trễ 3 tháng 03 ngày).

Quyết định đưa vụ án ra xét xử ấn định ngày xét xử còn trong thời hạn một tháng theo quy định tại khoản 4 Điều 203 BLTTDS. Tòa án có gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn Tòa án gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia phiên tòa đảm bảo thời hạn 15 ngày theo quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

- Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại Điều 21 BLTTDS năm 2015.

- Thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng: Thẩm phán có thực hiện việc giao văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát theo quy định tại Điều 170 BLTTDS. Hồ sơ thể hiện thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 208 BLTTDS năm 2015.

1.2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng năm 2015. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, bị đơn đã không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng năm 2015.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự về Hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Tòa đã tống đạt xét xử hợp lệ triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm lần 1 mở ngày 31/01/2024 và lần 2 mở ngày 28/02/2024 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 6998177 do bị đơn ký tên chủ thẻ chính ngày 07/10/2020 cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện đã đủ cơ sở xác định bị đơn đã được nguyên đơn cấp thẻ tín dụng loại Vs PayWave Cre Platinum Cashback số thẻ 436438-9892, hạn mức thẻ là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ Bản sao kê tài khoản thẻ thì bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền đã sử dụng là 283.219.065 (hai trăm tám mươi ba triệu, hai trăm mười chín ngàn, không trăm sáu mươi lăm) đồng. Bị đơn đã thanh toán được 217.211.651 (hai trăm mười bảy triệu, hai trăm mười một ngàn, sáu trăm năm mươi mốt) đồng, trong đó tiền gốc là 167.108.907 (một trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm lẻ tám ngàn, chín trăm lẻ bảy) đồng, phí và lãi là 50.102.744 (năm mươi triệu, một trăm lẻ hai ngàn, bảy trăm bốn mươi bốn) đồng. Tính đến ngày 28/02/2024, bị đơn còn nợ nguyên đơn do việc sử dụng thẻ tín dụng nêu trên với tổng số tiền là 178.696.347 (một trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn, ba trăm bốn mươi bảy) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 126.889.046 (một trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi chín ngàn, không trăm bốn mươi sáu) đồng.

- Tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 28/02/2024 là 51.807.301 (năm mươi mốt triệu, tám trăm lẻ bảy ngàn, ba trăm lẻ một) đồng.

Đến nay, bị đơn vẫn chưa thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần số tiền gốc và tiền lãi còn nợ là phù hợp với quy định Điều 18, Điều 23, Điều 24 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần A; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Về phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia quá trình tố tụng giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Toà án tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ và xét xử. Cho thấy, bị đơn đã tự từ bỏ quyền lợi tố tụng của mình.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thiết nghĩ yêu cầu của nguyên đơn hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận toàn bộ, cần buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 178.696.347 (một trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn, ba trăm bốn mươi bảy) đồng cho nguyên đơn ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 6998177 ngày 07/10/2020 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A theo như ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa.

[4] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí dân sự sơ thẩm là 8.934.817 (tám triệu, chín trăm ba mươi bốn ngàn, tám trăm mười bảy) đồng, bị đơn phải chịu do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.314.000 (ba triệu, ba trăm mười bốn ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0027935 ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Chí B thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền là 178.696.347 (một trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn, ba trăm bốn mươi bảy) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 126.889.046 (một trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi chín ngàn, không trăm bốn mươi sáu) đồng.

- Tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 28/02/2024 là 51.807.301 (năm mươi mốt triệu, tám trăm lẻ bảy ngàn, ba trăm lẻ một) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Chí B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 6998177 ngày 07/10/2020 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 8.934.817 (tám triệu, chín trăm ba mươi bốn ngàn, tám trăm mười bảy) đồng, ông Nguyễn Chí B phải nộp.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.314.000 (ba triệu, ba trăm mười bốn ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0027935 ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa B thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi Cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thiện Liên Hương